TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 628/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1324/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim Đ**, sinh năm: 1964

Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Trần Đức T**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: ấp N, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Võ Thị Kim Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Trần Đức T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2020, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim Đ trình bày:

Bà và ông Trần Đức T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1997. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2001 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T có quan hệ tình cảm không trong sáng với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và dẫn đến xô xát với nhau. Sau đó vợ chồng bà vẫn tiếp tục chung sống nhưng đến năm 2014 thì lại phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về mọi mặt, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2014, bà bắt đầu đi buôn bán ở xa từ đó cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không còn liên lạc với ông T. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trần Đức T2, sinh năm: 1997 và Trần Đức T3, sinh năm: 1999. Tất cả con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị Kim Đ; Bà Đ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Kim Đ khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Đức T, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Đức T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông T theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim Đ và ông Trần Đức T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/ĐKTH, đăng ký ngày 21/5/1997 tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Kim Đ và ông Trần Đức T là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Ông Trần Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Kim Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim Đ xác nhận thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2001 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ tình cảm không trong sáng với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và dẫn đến xô xát với nhau. Đến năm 2014 thì vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về mọi mặt, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2014, bà bắt đầu đi buôn bán ở xa từ đó cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không còn liên lạc với ông T.

[6] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại Công văn số 89/UBND ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung như sau: *"...Trong quá trình chung sống tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã không tiếp nhận được đơn yêu cầu hòa giải nên không biết được những thông tin trên giữa bà Võ Thị Kim Đ và ông Trần Đức T..."*.

[7] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

[8] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

[9] Mặc dù tại địa phương chưa hòa giải mâu thuẫn hôn nhân cho bà Đ và ông T nhưng căn cứ vào các quy định trên, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà Đ và ông T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chung sống không còn hạnh

phúc, bất đồng quan điểm về mọi mặt, thường xuyên cãi vã nhưng hai bên không hàn gắn được với nhau. Ngoài ra, bà Đ và ông T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, bà Đ đi làm xa không còn liên lạc với ông T. Điều này cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà Đ và ông T đã không còn, hôn nhân đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được vì giữa vợ chồng đã không còn thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự các phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cũng chứng tỏ ông T không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của bà Đ và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên việc chung sống cũng không còn ý nghĩa gì nữa. Do đó, bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về con chung: Bà Đ xác nhận trong quá trình chung sống, bà và ông T có 02 (hai) con chung là Trần Đức T2, sinh năm: 1997 và Trần Đức T3, sinh năm: 1999. Tất cả con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về con chung.

[14] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Võ Thị Kim Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Đ về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Đức T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim Đ được ly hôn với ông Trần Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 193/ĐKTH đăng ký ngày 21/5/1997 tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Võ Thị Kim Đ và ông Trần Đức T có 02 (hai) con chung là Trần Đức T2, sinh năm: 1997 và Trần Đức T3, sinh năm: 1999. Tất cả con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Kim Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080601 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Kim Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Kim Đ và ông Trần Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- UBND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Tuyền

2 000000 266206